

Số: 261/BC-THPTTP

Thành phố Cao Bằng, ngày 06 tháng 6 năm 2025

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM HỌC 2024 - 2025

(Về thực hiện công khai trong hoạt động của nhà trường, theo quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT, ngày 03/6/2024 của Bộ GDĐT)

### I. THÔNG TIN CHUNG

#### 1. Tên nhà trường

Tên gọi: Trường Trung học phổ thông thành phố Cao Bằng

#### 2. Địa chỉ

Đường 03/10, phường Sông Bằng, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Điện thoại: 02063 852 501

Trang thông tin điện tử: <https://thptthanhphocaobang.edu.vn>

Thư điện tử: [c3thixa.caobang@moet.edu.vn](mailto:c3thixa.caobang@moet.edu.vn)

#### 3. Loại hình của nhà trường; cơ quan quản lý trực tiếp

Loại hình: Công lập

Cơ quan quản lý trực tiếp: Sở Giáo dục và Đào tạo Cao Bằng

Nguồn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và kinh phí cho chi thường xuyên của trường chủ yếu do ngân sách nhà nước bảo đảm.

#### 4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường.

##### 4.1. Sứ mạng

Tạo dựng một môi trường học tập thân thiện, an toàn, có kỷ cương, tình thương trách nhiệm, có chất lượng giáo dục cao để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng, phát huy tính sáng tạo, có kỹ năng sống, biết thích ứng, phát triển tối đa phẩm chất và năng lực cá nhân, trở thành những công dân có ích, góp phần xây dựng quê hương, đất nước.

##### 4.2. Tầm nhìn

Đến năm 2030, đạt kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục Cấp độ 2, trường chuẩn quốc gia Mức độ 1.

Tiếp tục củng cố và duy trì vị thế của nhà trường là một trong những đơn vị có phong trào và chất lượng giáo dục cao của thành phố, là địa chỉ tin cậy để các bậc cha mẹ học sinh tin tưởng gửi gắm con em mình học tập, rèn luyện, góp phần xây dựng quê hương đất nước.

##### 4.3. Mục tiêu

- Xây dựng và phát triển nhà trường đáp ứng yêu cầu giáo dục của địa phương, đáp ứng yêu cầu đổi mới Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018; Tạo dựng môi trường học tập thân thiện, tích cực, nền nếp, kỷ cương; giúp mỗi học

sinh đều có cơ hội phát triển khả năng và tư duy sáng tạo, đáp ứng yêu cầu phát triển của địa phương, đất nước, tạo được uy tín trong địa phương và trong địa bàn tỉnh Cao Bằng.

- Xác định quy mô phát triển nhà trường để chuẩn bị các điều kiện phục vụ cho dạy - học, đội ngũ viên chức, nhân viên đủ về số lượng, đáp ứng yêu cầu về chất lượng. Tạo điều kiện cho đội ngũ được tham gia học tập nâng cao trình độ về chuyên môn, lý luận chính trị để chất lượng và hiệu quả giáo dục ngày càng nâng cao. Thực hiện có hiệu quả chương trình giáo dục năm 2018.

- Phát huy thành quả phong trào thi đua đồng hành với các giá trị cơ bản của nhà trường:

- + Chất lượng giáo dục là danh dự của nhà trường.
- + Phát triển được phẩm chất và năng lực của học sinh.
- + Tích cực đổi mới công tác Lãnh đạo và Quản lý.
- + Có tính sáng tạo, trung thực.
- + Chất lượng và hiệu quả cao.

- Để mỗi học sinh đều có cơ hội học tập và phát triển toàn diện, có khả năng tiếp tục học lên bậc học Cao đẳng, Đại học hoặc đi vào cuộc sống lao động. Để đáp ứng được các yêu cầu đó, nhà trường phải tập trung thực hiện các mục tiêu chiến lược sau:

- + Đổi mới công tác quản lý và quản trị nhà trường
- + Xây dựng và phát triển đội ngũ giáo viên, nhân viên.
- + Đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của từng học sinh.
- + Chú trọng công tác đào tạo và bồi dưỡng học sinh giỏi; khuyến khích học sinh nghiên cứu khoa học, vận dụng lý thuyết vào thực tiễn; chú trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục đạo đức, kỹ năng sống cho học sinh.
- + Xây dựng văn hóa nhà trường.
- + Huy động các nguồn lực phát triển nhà trường.

#### a. Giai đoạn 1 (2024-2028)

- Có ít nhất có 50% giáo viên đạt tiêu chuẩn dạy giỏi từ cấp Trường trở lên; có 100% giáo viên đạt chuẩn loại khá trở lên theo quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học.

- Tỷ lệ học sinh lưu ban hàng năm không quá 2%; trong đó tỷ lệ học sinh bỏ học không quá 1,0%.

- Chất lượng giáo dục Hạnh kiểm:

- + Tốt - Khá: 95% trở lên.
- + Không có học sinh xếp loại hạnh kiểm Chưa đạt

- Chất lượng giáo dục Học lực:

- + Giỏi - Khá: 65% trở lên.
- + Đạt trở lên: 98%.

- Tỷ lệ học sinh lên lớp hàng năm: 98% trở lên
- Tốt nghiệp THPT hàng năm: trên 99% trở lên.
- 100% đạt yêu cầu trở lên về kiểm tra thể lực theo chuẩn của Bộ GDĐT.
- Nâng cao tỉ lệ học sinh giỏi cấp thành phố, cấp tỉnh.
- Trên 90% học sinh đỗ đại học, cao đẳng, dự bị đại học.
- Duy trì trường đạt xếp loại Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Phần đầu nhận Bằng khen, cờ thi đua của Tỉnh.

*b. Giai đoạn 2 (2028-2030)*

- Đảm bảo hợp lí cơ cấu giáo viên theo môn học.
- Duy trì các chỉ tiêu chất lượng giáo dục (học tập, rèn luyện, lên lớp, tốt nghiệp, đỗ đại học, cao đẳng,...)
- rà soát các tiêu chuẩn để đăng ký thực hiện công tác kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đạt cấp 2, trường chuẩn quốc gia Mức độ 1.
- Chất lượng giáo dục bền vững được khẳng định. Thương hiệu nhà trường được nâng cao

## **5. Quá trình thành lập và phát triển**

### **\* Quá trình thành lập:**

Trường THPT thành phố Cao Bằng được thành lập năm 1956, là trường cấp III đầu tiên của tỉnh Cao Bằng. Từ khi thành lập đến nay, trường đã trải qua nhiều lần đổi tên: trường cấp 3 Hoàng Đình Giông (1957- 1960), trường cấp III Cao Bằng (1960 - 1982), trường THPT thị xã Cao Bằng (1982 – 2012), trường THPT thành phố Cao Bằng (từ sau 2012).

Trường THPT thành phố Cao Bằng tọa lạc trên đường 3/10, phường Sông Bằng, thành phố Cao Bằng, với tổng diện tích là 13.161 m<sup>2</sup>. Trường hiện đang sở hữu một cơ ngơi khang trang, từng bước hướng tới hoàn thiện. Trường có 39 phòng học, các phòng học được trang bị máy chiếu; có 01 thư viện; 01 khu nhà chức năng (4 phòng máy vi tính, 1 phòng học Tiếng Anh, 03 phòng Thí nghiệm - Lý, Hóa - Sinh); 01 sân bóng rổ; 01 nhà Truyền thống; 01 phòng họp; 01 Hội trường lớn; 01 khu nhà Hiệu bộ với 18 phòng. Đặc biệt khu hiệu bộ có kết nối Wifi, các phòng làm việc đều có máy tính, nối mạng LAN, đầy đủ trang thiết bị làm việc... Cơ sở vật chất của nhà trường đã đáp ứng tương đối tốt nhu cầu học tập và giảng dạy của giáo viên và học sinh.

### **\* Quá trình phát triển:**

Trải qua quá trình gần 70 năm xây dựng và phát triển, trường THPT thành phố Cao Bằng luôn hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ của mình trong công tác quản lý và điều hành các hoạt động giáo dục; tổ chức tốt các phong trào thi đua, thực hiện tốt các cuộc vận động, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Từ 04 giáo viên dạy cấp III khi trường mới thành lập, gần 70 năm qua, đội ngũ giáo viên của trường không ngừng phát triển, lớn mạnh. Trong hoàn cảnh nào, giai đoạn nào, các thế hệ nhà giáo Nhà trường luôn nỗ lực phấn đấu tự học, sáng tạo vươn lên nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu và nhiệm

vụ GD-ĐT. Với xu thế phát triển và hội nhập của đất nước, trước những yêu cầu và thách thức của GD-ĐT trong thời đại mới, đội ngũ giáo viên, nhân viên nhà trường không ngừng học tập, tích cực phấn đấu để ngày càng nâng cao trình độ. Đến nay, Trường THPT thành phố Cao Bằng có 77 CB, GV, NV, 100% CB, GV, NV đạt chuẩn và trên chuẩn, trong đó có 21 CBQL, giáo viên, nhân viên có trình độ thạc sĩ, nhiều giáo viên giỏi các cấp, đã có 11 nhà giáo được vinh dự được Nhà nước phong tặng danh hiệu cao quý Nhà Giáo ưu tú. Trường có tổ chức Đảng bộ gồm 70 đảng viên. Đảng bộ nhà trường liên tục đạt cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh, giữ vai trò hạt nhân lãnh đạo trong toàn bộ hoạt động của nhà trường. Các tổ chức: Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội LHTN Việt Nam, Hội cha mẹ học sinh đều hoạt động tích cực, góp phần cùng nhà trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học. Các thế hệ giáo viên trưởng thành từ mái trường này đã và đang giữ những chức vụ quan trọng ở Trung ương, địa phương, chuyên gia cao cấp, nhà quản lý giỏi, giáo sư, tiến sĩ, kỹ sư, chuyên viên, tướng lĩnh, sỹ quan lực lượng vũ trang... Các thế hệ GV và HS Trường THPT thành phố Cao Bằng đang tô thắm thêm lá cờ truyền thống vẻ vang của nhà trường và ngành giáo dục tỉnh nhà.

Trong những năm qua, Nhà trường triển khai hiệu quả các nhiệm vụ giáo dục, tích cực thi đua "Dạy tốt- Học tốt", đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn kết với Cuộc vận động "Mỗi thầy giáo, cô giáo là tấm gương đạo đức tự học và sáng tạo" và phong trào thi đua xây dựng "Trường học thân thiện, học sinh tích cực"... Qua các phong trào, chất lượng giáo dục toàn diện của trường không ngừng nâng lên. GV tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá, ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy,... Tỷ lệ học sinh khá, giỏi hàng năm đạt trên 70%, học sinh tốt nghiệp THPT đạt từ 98% trở lên, học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng đạt 85% - 90%. Hiện nay, HS của trường được hướng dẫn tiếp cận với nghiên cứu khoa học, qua đó phát hiện năng khiếu, khơi dậy tình yêu khoa học, giúp các em phát huy tốt năng lực của mình trên con đường học thuật, khoa học. Chất lượng giáo dục Nhà trường có nhiều chuyển biến tích cực, bền vững. Trường THPT thành phố Cao Bằng thực sự đã trở thành cơ sở giáo dục tin cậy của nhân dân các dân tộc thành phố Cao Bằng nói riêng, tỉnh Cao Bằng nói chung, xứng đáng là cánh chim đầu đàn của ngành GD-ĐT tỉnh Cao Bằng.

Ghi nhận những thành tích và đóng góp to lớn của Nhà trường cho sự nghiệp phát triển giáo dục tỉnh Cao Bằng, Trường THPT thành phố vinh dự được Nhà nước tặng Huân chương Lao động hạng Nhất (2013), hạng Nhì (2001) và hạng Ba (1996). Năm 2016, Trường được UBND tỉnh công nhận trường THPT đạt chuẩn quốc gia.

## **6. Thông tin người đại diện pháp luật; người phát ngôn hoặc người đại diện**

Người đại diện pháp luật: Phạm Minh Hương

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Đường 03/10, phường Sông Bằng, thành phố Cao Bằng.

## **7. Tổ chức bộ máy**

### **a) Quyết định đổi tên trường**

Quyết định số 1959/QĐ-UBND ngày 29/10/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc đổi tên Trường Trung học phổ thông thị xã Cao Bằng thành Trường Trung học phổ thông thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

**b) Quyết định công nhận Hội đồng trường, Chủ tịch Hội đồng trường và các thành viên Hội đồng trường**

- Quyết định số 1850/QĐ-SGDĐT, ngày 11/10/2024 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Cao Bằng v/v công nhận Hội đồng trường, Trường THPT thành phố Cao Bằng, nhiệm kỳ 2024-2029.

Các thành viên Hội đồng trường gồm:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	Phạm Minh Hương	Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Vũ Thị Phụng	Phó Hiệu trưởng	Thành viên
3	Nguyễn Cao Sơn	Phó Hiệu trưởng	Thành viên
4	Trần Thị Thu Thủy	Chủ tịch Công đoàn trường	Thành viên
5	Đình Thị Thơ	Bí thư Đoàn trường	Thành viên
6	Phan Khánh Linh	Thư ký Hội đồng	Thành viên
7	Triệu Xuân Tiệp	Phó Chủ tịch phường Sông Bằng	Thành viên
8	Nông Trung Bộ	PTB đại diện cha mẹ HS	Thành viên
9	Đặng Thái Sơn	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên
10	Bê Thu Thủy	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên
11	Đặng Thị Hiến	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên
12	Long Thị Hồng Gấm	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên
13	Ngôn Thị Bích	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên
14	Hoàng Việt Hương	Tổ trưởng tổ Văn phòng	Thành viên
15	Âu Hoàng Bảo Châu	Học sinh lớp 11A1	Thành viên

- Quyết định công nhận Chủ tịch Hội đồng trường số 2227/QĐ-SGD&ĐT ngày 12/11/2024 của Giám đốc Sở GD&ĐT Cao Bằng, công nhận bà Phạm Minh Hương, Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng Trường THPT thành phố giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng trường, Trường THPT thành phố, nhiệm kỳ 2024 – 2029.

**c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng**

- Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng: Quyết định số 117/QĐ-SGDĐT ngày 16/01/2024 của Giám đốc Sở Giáo dục và đào tạo về việc điều động và bổ nhiệm viên chức (đ/c Phạm Minh Hương).

- Quyết định bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng:

+ Quyết định số 475/QĐ-SGDĐT ngày 03/4/2024 của Giám đốc Sở Giáo dục và đào tạo về việc bổ nhiệm lại viên chức (đ/c Vũ Thị Phụng).

+ Quyết định số 117/QĐ-SGDĐT ngày 16/9/2024 của Giám đốc Sở Giáo dục và đào tạo về việc điều động và bổ nhiệm viên chức (đ/c Nguyễn Cao Sơn).

**d) Quy chế tổ chức và hoạt động; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; sơ đồ tổ chức bộ máy**

\* Cơ chế hoạt động: Trường THPT thành phố Cao Bằng hoạt động theo Thông

tur số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 về Điều lệ trường THCS, THPT và trường THPT có nhiều cấp học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

- Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỷ luật đối với giáo viên, nhân viên;

- Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, ký quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

- Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; Thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; thực hiện công khai đối với nhà trường.

\* Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường: Nhiệm vụ, quyền hạn của Trường được quy định tại Điều 3 Thông tư số 32/2020/ TT-BGDĐT, ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo:

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

- Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

- Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội.

- Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý

các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

\* Tổ chức bộ máy của đơn vị:

- 01 Hội đồng trường với 15 thành viên.

- 01 Hiệu trưởng và 02 PHT.

- 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.

- Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam: Đảng bộ trực thuộc Thành uỷ Cao Bằng, 03 chi bộ trực thuộc; 70 đảng viên.

- Tổ chức Công đoàn có 77 công đoàn viên, trực thuộc Công đoàn Ngành GD&ĐT Cao Bằng.

- Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trực thuộc Thành Đoàn.

- Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên: 77, biên chế thành 08 tổ chuyên môn, 01 tổ văn phòng.

- Tổng số học sinh năm học 2024 – 2025: 1342, biên chế thành 32 lớp, khối 12: 10 lớp; khối 10, 11: 11 lớp/khối.

**đ) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường**

Họ và tên: Phạm Minh Hương

Chức vụ: Hiệu trưởng

Số điện thoại: 0985907842

Thư điện tử: [phamhuongc3tp@gmail.com](mailto:phamhuongc3tp@gmail.com)

Địa chỉ nơi làm việc: Đường 03/10, phường Sông Bằng, thành phố Cao Bằng.

### **8. Các văn bản khác của nhà trường**

- Đề án vị trí việc làm: Đề án số 16 /ĐA-THPTTP ngày 26/01/2024.

- Kế hoạch phát triển giáo dục và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 , kế hoạch tài chính 3 năm 2025-2027: số 196/KH-THPTTP ngày 03/7/2024.

- Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2024 - 2025: số 156/KH-THPTTP ngày 18/9/2024.

- Quy chế hoạt động của nhà trường; Quy chế thực hiện dân chủ tại cơ sở giáo dục; Kế hoạch thực hiện dân chủ ở cơ sở; Quy tắc ứng xử văn hoá;...

## **II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN**

Ban Giám hiệu có năng lực quản lý, có tầm nhìn chiến lược, lập trường tư tưởng vững vàng. Hiệu quả công tác quản lý nhà trường đạt kết quả cao.

Đội ngũ giáo viên đảm bảo về trình độ chuyên môn để cơ cấu giảng dạy các môn học. Phần lớn giáo viên có năng lực chuyên môn vững vàng, nhiều giáo viên nhiệt tình, tâm huyết, say chuyên môn. Tập thể cán bộ giáo viên có tinh thần đoàn kết, có ý thức phấn đấu vươn lên trong giảng dạy, có tinh thần đấu tranh phê và tự phê tốt, có tinh thần cầu tiến.

Đội ngũ nhân viên thạo việc, tự giác thực hiện nhiệm vụ được giao.

Nhà trường luôn quan tâm hàng đầu công tác xây dựng chất lượng đội ngũ; Coi việc nâng cao chất lượng đội ngũ là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường theo kịp xu hướng.

Đội ngũ CBQL, giáo viên và nhân viên năm học 2024 – 2025:

- Chia theo nhóm vị trí việc làm:

STT	Nhóm vị trí	Trình độ đào tạo				Kết quả BD	
		Đạt chuẩn	Tỷ lệ	Trên chuẩn	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1	Quản lý	1	33,3%	2	66,7%	3/3 đạt	100%
2	Giáo viên	49/68	72%	19/68	28%	68/68	100%
3	Nhân viên	5/5	100%	1/5	20%	5/5	100%
4	LĐHĐ	2/2	100%			2/2	100%

- Cụ thể từng nhóm:

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	<b>Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên</b>	<b>77</b>		<b>20</b>	<b>54</b>		<b>1</b>	<b>2</b>	<b>02</b>	<b>15</b>	<b>0</b>	<b>59</b>	<b>11</b>	<b>1</b>	
<b>I</b>	<b>Cán bộ quản lý</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>1</b>					<b>2</b>					
1	Hiệu trưởng	1	1	1						1		1			
2	Phó hiệu trưởng	2	2	1	1				1	1		1	1		
<b>I</b>	<b>Giáo viên</b>	<b>67</b>	<b>67</b>	<b>17</b>	<b>50</b>				<b>56</b>	<b>12</b>			<b>10</b>	<b>1</b>	
	Trong đó số GV dạy môn:														
1	Toán	10	10	3	7				10	0		9	1		
2	Lý	7	7	2	5				3	4		4	3		
3	Hóa	6	6	5	1				4	2		5	1		
4	Sinh	5	5	2	2				4	1		5	0		
5	Tin học	4	4	0	4				4	0		3	1		
6	Ngữ văn	10	10	2	8				7	3		10	0		
7	Sử	4	4	1	3				4	1		3	1		
8	Địa	3	3	1	2				2	1		3	0		
9	GDKT&PL	2	2	0	2				2	0		1	1		
10	Ngoại ngữ	8	8	1	7				8	0		7	0	1	
11	Công nghệ	2	2	0	2				2	0		1	1		
12	GDTC	4	4	0	4				3	1		4	0		
13	GDQP&AN	2	2	0	2				2	0		1	1		
<b>III</b>	<b>Nhân viên</b>	<b>5</b>		<b>1</b>	<b>3</b>		<b>1</b>								
1	Nhân viên văn thư	1	1		1										
2	Nhân viên kế toán	1	1		1										
3	Nhân viên y tế, thủ quỹ	1					1								
4	Nhân viên thư viện	1	1		1										
5	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1	1	1											
<b>IV</b>	<b>Lao động hợp đồng</b>	<b>2</b>						<b>2</b>							
1	Bảo vệ	2						2							

### III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

#### 1. Diện tích và các hạng mục phục vụ công tác dạy và học

- Nhà trường có tổng số diện tích là: 13.161 m<sup>2</sup>, trong đó tổng diện tích sân chơi, bãi tập: 9.000 m<sup>2</sup>.

- Trường có tường rào, biển trường, cổng trường. Khuôn viên nhà trường khép kín, nhiều cây xanh thoáng mát tạo thuận lợi cho học sinh học tập và vui chơi.

- Nhà trường có 08 khối nhà phục vụ công tác giảng dạy và học tập:

+ 03 khối lớp học với 39 phòng học kiên cố: đáp ứng đủ số lớp học của trường.

+ 01 khối nhà chức năng có 08 phòng học bộ môn: 01 phòng học bộ môn Vật lý, 01 phòng học bộ môn Hóa học, 01 phòng học bộ môn Sinh học, 04 phòng tin học, 02 phòng học tiếng Anh: số lượng phòng học bộ môn chưa đáp ứng đủ yêu cầu của nhà trường; thiết bị dạy học đã được mua sắm đối với khối 10, 12; máy tính cấu hình thấp;...

+ 01 thư viện: diện tích nhỏ chưa đáp ứng nhu cầu của đơn vị.

+ 01 khối phòng hành chính quản trị với 16 phòng làm việc: đáp ứng đủ nhu cầu công tác của đơn vị.

+ Cơ sở vật chất khác: 01 Hội trường xây dựng lâu năm nay đã xuống cấp: đang thực hiện quy trình cải tạo, sửa chữa; thiết bị chuyên dụng trong hội trường đang được lắp đặt; 01 nhà truyền thống.

- Nhà trường chưa có sân tập thể thao cho học sinh (sân bóng đá, sân bóng chuyền, sân cầu lông, sân học môn GDQP-AN...), chưa có nhà đa năng để phục vụ các hoạt động giáo dục cho học sinh.

- Đánh giá về các hạng mục được đầu tư xây dựng, sửa chữa trong năm: Năm 2024, 2025: nhà trường đã mua sắm thiết bị dạy học khối 10; 12; mua sắm thiết bị chuyên dụng trong hội trường; đang thực hiện quy trình cải tạo, sửa chữa Khu nhà bộ môn; Hội trường.

#### 2. Sách, thư viện, thiết bị

##### 2.1. Sách, thư viện

- Thư viện được bố trí tại tầng 1 khu nhà Chức năng gần với các khối phòng học, diện tích thư viện 63m<sup>2</sup> bao gồm kho và khu vực đọc.

- Thư viện có đầy đủ trang thiết bị chuyên dụng: Có giá, tủ chuyên dùng đựng sách, báo; Có bảng giới thiệu sách, bảng chỉ dẫn mượn sách bằng tự động hóa, lịch hoạt động thư viện, nội quy thư viện, nội quy phòng đọc; Có 01 máy tính kết nối mạng, 01 máy in, 01 máy quét mã vạch; Có bàn ghế đọc sách cho học sinh và giáo viên.

- Sách đảm bảo 4 loại sách: Sách giáo khoa, sách nghiệp vụ, sách tham khảo, sách thiếu nhi. Hiện nay số sách có trong thư viện là 12429 cuốn sách. Đảm bảo đủ cho giáo viên và học sinh mượn.

- Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018, Thư viện đã mua sách giáo khoa, sách bài tập khối 10, 11. Số lượng, chất lượng sách được mua sắm dựa trên các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của UBND tỉnh và Sở GD&ĐT. Sách được mua sắm trích từ nguồn kinh phí của nhà nước; số lượng sách mua chỉ phục vụ công tác giảng dạy của giáo viên và lưu kho thư viện 5 cuốn theo quy định tiêu chuẩn thư viện theo thông tư 16/2022/TT-BGDĐT, chưa có đủ sách cho học sinh thuê, mượn. Sách tham khảo cho chương trình giáo dục phổ thông mới đã được mua bổ sung phục vụ cho giáo viên, học sinh tuy nhiên chưa phong phú và đa dạng; việc chuẩn bị tài nguyên thông tin phục vụ các tiết học theo chương trình giáo dục mới chưa phong phú.

- Phòng thư viện diện tích nhỏ ảnh hưởng đến nhu cầu đọc tại chỗ của giáo viên, học sinh. Chưa tổ chức được các tiết học tại thư viện.

## **2.2. Thiết bị**

- Việc quản lý thiết bị được thực hiện theo đúng quy định: có cán bộ thiết bị quản lý, có sổ đăng ký mượn thiết bị, thường xuyên được vệ sinh, sắp xếp khoa học,...

- Việc sử dụng thiết bị phục vụ dạy học và các hoạt động thí nghiệm, thực hành được 01 nhân viên thiết bị thực hiện đảm bảo đúng nội dung chương trình.

- Phòng học bộ môn Tin học được bảo dưỡng thường xuyên máy vi tính đảm bảo cho công tác phục vụ dạy học.

- Nhà trường đã mua sắm thiết bị dạy học thực hiện chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 cho lớp 10, 11. Hiện nhà trường đang tiến hành thủ tục mua sắm thiết bị dạy học lớp 12 và bổ sung thiết bị cho lớp 10.

- Khả năng khai thác trang thiết bị phục vụ học tập, giảng dạy của giáo viên bộ môn chưa đồng đều.

- Các phòng thiết bị đã xuống cấp: đang trong quy trình thực hiện cải tạo sửa chữa.

- Trong năm học 2024 – 2025 nhà trường được cấp 03 phòng học thông minh, hiện đang được sử dụng, khai thác hiệu quả.

## **IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

- Nhà trường đã phấn đấu đạt các chuẩn về: tổ chức nhà trường; chất lượng giáo dục; cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; công tác xã hội hoá giáo dục.

- Các tiêu chuẩn về cơ sở vật chất, thiết bị nhà trường tiếp tục có kế hoạch phấn đấu thực hiện trong thời gian tiếp theo.

- Năm hoàn thành: Năm 2025 tự đánh giá đạt mức 2; đăng ký đánh giá ngoài năm 2026.

- Thuận lợi: Nhà trường luôn nhận được sự chỉ đạo, quan tâm của lãnh đạo Sở GD&ĐT trong kế hoạch xây dựng trường chuẩn quốc gia. Một số tiêu chuẩn,

tiêu chí về chất lượng dạy học, về đội ngũ, công tác xã hội hoá giáo dục đã được đảm bảo.

- Khó khăn: Cơ sở vật chất của nhà trường chỉ đáp ứng điều kiện tối thiểu.
- Các biện pháp:
  - + Tiếp tục xây dựng kế hoạch trường đạt chuẩn quốc gia để trình cấp quản lý;
  - + Rà soát các tiêu chuẩn, tiêu chí tiếp tục có giải pháp cải tiến, nâng cao.
  - + Không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục, tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.
  - + Tiếp tục tham mưu lên các cấp về mở rộng diện tích và xây dựng các hạng mục để nhà trường đảm bảo cơ sở vật chất đáp ứng tiêu chuẩn của trường chuẩn quốc gia.

## **V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC**

### **1. Kết quả tuyển sinh**

\* Nhà trường ra Thông báo Tuyển sinh vào lớp 10 trường THPT thành phố Cao Bằng năm học 2024-2025 (Thông báo số 128/TB-THPTTP, ngày 26/4/2024) và Kế hoạch tuyển sinh năm học 2024-2025 (Kế hoạch số 125/KH-THPTTP, ngày 07/5/2024).

\* Đối tượng tuyển sinh:

- Học sinh đã tốt nghiệp THCS, GDTX cấp THCS;
- Thuộc địa bàn tuyển sinh:
  - + Học sinh thường trú (hoặc đã tạm trú và học ít nhất 3 năm học lớp 7, lớp 8, lớp 9) trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;
  - + Học sinh không thuộc đối tượng quy định trên có nhu cầu đăng ký dự tuyển vào trường THPT thành phố Cao Bằng do Sở GD&ĐT Cao Bằng xem xét, quyết định.

\* Phương thức tuyển sinh, thời gian thi

- Phương thức:
  - + Tuyển thẳng vào THPT thành phố Cao Bằng thuộc một trong các đối tượng sau đây:
    - . Học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú;
    - . Học sinh dân tộc rất ít người: La Ha, La Hủ, Pà Thèn, Chứt, Lự, Lô Lô, Mảng, Cống, Cờ Lao, Bó Y, Ngái, Si La, Pú Péo, Brâu, Rơ Măm, O'Đu;
    - . Học sinh Khuyết tật có đầy đủ hồ sơ;
    - . Học sinh đạt giải cấp quốc gia, quốc tế về văn hóa; văn nghệ; TDTT; Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia dành cho học sinh THCS và THPT.
  - + Thi tuyển: Học sinh không thuộc diện tuyển thẳng đều phải tham gia thi tuyển. Môn thi: Ngữ văn, Toán: Thi tự luận; Tiếng Anh: Thi tự luận + trắc nghiệm.

- Thời gian thi: Ngày 03 và 04 tháng 6 năm 2024.

- Chỉ tiêu giao: 484 học sinh; 11 lớp.

- Kết quả tuyển sinh: 476; Thiếu 08 chỉ tiêu, lí do: học sinh trúng tuyển đến nhập học nhưng đã chuyển đi học trường ngoài tỉnh; nhà trường trường đã tuyển bổ sung 01 lần.

## 2. Tổ chức dạy – học

Nhà trường thực hiện dạy học theo tiến độ chương trình giáo dục phổ thông năm 2006 đối với khối 12 và chương trình năm 2018. Tăng cường công tác phụ đạo kiến thức cho học sinh khối mới, bồi dưỡng học sinh khối cũ, tạo mọi điều kiện thành lập đội tuyển các bộ môn, có kế hoạch ôn tập, phụ đạo phù hợp đối tượng.

Tổ chức dạy học 02 buổi trên ngày với sự đồng thuận nhất trí của cha mẹ học sinh và học sinh, thời gian thực hiện từ tháng 10 năm 2024 đến hết tháng 01 năm 2025.

## 3. Kết quả đánh giá học sinh năm học 2024 - 2025

- Chất lượng giáo dục:

Năm học	Tỷ lệ lên lớp thăng	Tỷ lệ lưu ban	Tỷ lệ học sinh bỏ học	Tỷ lệ tốt nghiệp THPT
2022 - 2023	99,68%	0,16%	0,16%	99,76%
2023 - 2024	99,77%	0,077%	0	100%
2024 - 2025	99,55%		0	

- Hiệu quả đào tạo:

+ Kết quả xếp loại học tập/học lực:

Năm học	Số HS	Xếp loại học lực/học tập				Tỷ lệ TN THPT	Tỷ lệ đỗ ĐH, CĐ
		Giỏi/Tốt	Khá	TB/Đạt	Yếu/CĐ		
2022-2023	1244 (11 HSKT không đánh giá)	22,7%	63,01%	13,94%	0,35%	99,76%	85%
2023-2024	1292 (10 HSKT không đánh giá)	19,03%	64,43%	16,3%	0,24%	100%	90%
2024-2025	1342 (6 HSKT không đánh giá)	18,86%	62,42%	18,26%	0,45%		

+ Kết quả xếp loại hạnh kiểm/rèn luyện:

Năm học	Số học sinh	Xếp loại hạnh kiểm/rèn luyện			
		Giỏi/Tốt	Khá	TB/Đạt	Yếu/CĐ
2022-2023	1244 (11 HSKT không đánh giá)	97,49%	2,43%	0,08%	0
2023-2024	1292	96,41%	3,04%	0,47%	0,08%

	(10 HSKT không đánh giá)				
2024-2025	1342 (6 HSKT không đánh giá)	95,95%	3,53%	0,45%	0,07%

+ Công tác đào tạo mũi nhọn:

Năm học	Cấp huyện/thành phố					Cấp tỉnh				
	TS	Nhất	Nhì	Ba	KK	TS	Nhất	Nhì	Ba	KK
2023-2024	67	0	17	18	32	43	2	7	13	21
2024-2025	64					40	1	4	16	19

## VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

STT	NỘI DUNG	Dự toán			Còn trong TK tiền gửi của nhà trường
		Tồn năm 2023	Thu	Chi	
<b>I</b>	<b>Học phí</b>	<b>138.480.553</b>	<b>950.765.498</b>	<b>811.151.549</b>	<b>278.094.502</b>
1	Tiền lương			316.826.751	
2	Tiền công theo HĐ			42.599.160	
3	Phụ cấp theo lương			68.240.787	
4	Các khoản đóng góp theo lương (BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ)			64.069.607	
5	Tiền thưởng			1.872.000	
6	Thanh toán dịch vụ công cộng ( Điện, nước, VSMT)				
7	Vật tư văn phòng (VPP, CCDC, vật tư VP khác)				
8	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc				
9	Công tác phí			6.000.000	
10	Chi khác (Chi hỗ trợ cho CB, GV đi học, chi tiếp khách)			33.192.000	
11	Sửa chữa, mua sắm thiết bị			48.785.000	
12	Mua sắm TS phục vụ công tác CM				
13	Chi phí nghiệp vụ CM			229.566.244	
14	Chi khác				
<b>II</b>	<b>Thu học thêm năm học 2024-2025</b>	<b>2.520.318</b>	<b>2.229.293.800</b>	<b>2.221.251.974</b>	<b>10.562.144</b>
1	Chi GV trực tiếp đứng lớp			1.539.866.737	
2	CBQL, GVCN, TTCM, Kế toán, thủ quỹ, tổ phục vụ			666.385.237	
3	Thanh toán dịch vụ công cộng ( Điện, nước, VSMT)			15.000.000	
4	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc				

5	Bồi dưỡng BC viên tập huấn PCCC				
<b>III</b>	<b>KP thường xuyên (NSNN cấp)</b>	<b>DT năm trước chuyển sang (tồn)</b>	<b>DT được giao (thu)</b>	<b>DT đã sử dụng (chi)</b>	<b>Kinh phí còn lại</b>
	<i>Ngân sách nhà nước cấp năm 2024</i>				
<b>1</b>	<b>Nguồn kinh phí không thực hiện tự chủ tự chịu trách nhiệm (12)</b>		<b>3.692.486.966</b>	<b>3.692.486.966</b>	<b>-</b>
1	Chi hỗ trợ tiền ăn, nhà ở theo nghị định 116/CP NH 2024-2025			923.940.000	
2	Chi phí học tập theo 81/CP năm học 2024-2025			336.214.000	
3	Thực hiện NĐ 28/CP( GV dạy Khuyết tật)			423.108.166	
4	TTLT số 42 ( HS khuyết tật + nghèo)			36.576.000	
5	Tiền chế độ ban BCT tốt nghiệp THPT QG năm học 2024-2025			56.120.000	
6	Tiền chế độ HĐ tuyển sinh lớp 10 năm học 2024-2025			36.650.000	
7	Hội khoẻ phù đồng			264.530.000	
8	Thực hiện thiết bị lớp 10, lớp 12			1.539.567.000	
9	Chi phí thăm định, chi phí khác			75.781.800	
<b>2</b>	<b>Kinh phí thực hiện cải thiện dinh dưỡng</b>	<b>7.830</b>	<b>9.348.000</b>	<b>2.172.000</b>	<b>7.183.830</b>
1	In, photo tài liệu				
2	Báo cáo viên				
3	Vi chất dinh dưỡng cho học sinh			2.172.000	
<b>3</b>	<b>Nguồn kinh phí thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm (13)</b>		<b>15.811.312.934</b>	<b>15.811.312.934</b>	<b>-</b>
1	Tiền lương			7.397.339.357	
2	Phụ cấp theo lương			4.563.042.942	
3	Tiền công theo HĐ			49.610.640	
4	Học bổng và hỗ trợ khác học sinh, sinh viên				
5	Tiền thưởng			111.618.000	
6	Phúc lợi tập thể			9.592.800	
7	Các khoản đóng góp theo lương (BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ)			2.093.551.788	
8	Thu nhập tăng thêm, thêm giờ			205.184.400	
9	Thanh toán dịch vụ công cộng ( Điện, nước, VSMT)			202.604.321	
10	Vật tư văn phòng (VPP, CCDC, vật tư VP khác			382.063.347	

11	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc			29.869.710	
12	Hội nghị				
13	Công tác phí			100.532.000	
14	Chi phí thuê mướn			60.930.200	
15	Sửa chữa tài sản phục vụ cho công tác chuyên môn( Nhà VS khối 12 và sửa chữa khác)			143.941.000	
16	Mua sắm TS phục vụ công tác chuyên môn			15.000.000	
17	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn			366.507.696	
18	Mua sắm tài sản vô hình				
19	Chi khác (Chi hỗ trợ cho CB, GV đi học, chi tiếp khách)			48.874.733	
20	Chi phụ cấp cấp ủy			31.050.000	
<b>4</b>	<b>Nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương (14)</b>	<b>2.224.934</b>		<b>2.224.934</b>	<b>0</b>
1	Tiền lương			2.224.934	
<b>IV</b>	<b>Căng tin ( đấu thầu)</b>	<b>1.163.504.128</b>		<b>170.687.163</b>	<b>992.816.965</b>
1	Chi lương và phụ cấp lương			170.687.163	
<b>V</b>	<b>Quỹ trường</b>	<b>18.081.357</b>	<b>103.845.842</b>	<b>92.842.000</b>	<b>29.085.199</b>
1	Chi từ T10/2024 đến 06/06/2025	18.081.357	103.845.842	92.842.000	

Trên đây là Báo cáo công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ giáo dục và đào tạo - năm học 2024 - 2025 của trường THPT thành phố Cao Bằng.

**Nơi nhận:**

- BCD thực hiện công khai;
- Thông báo (niêm yết);
- Website nhà trường;
- Lưu: VT.



**Phạm Minh Hương**